

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012**

## I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Những sự kiện quan trọng

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hường Việt chính thức được thành lập vào ngày 29/12/2006 theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 52/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty có trụ sở đặt tại Số 8, Phố Thiên Quang, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Năm 2008 đánh dấu một bước ngoặt lớn trong sự phát triển của Công ty với sự tham gia 49% vốn góp của tập đoàn tài chính toàn cầu Morgan Stanley. Ngày 5/02/2008 Công ty đã chính thức nhận được giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép đổi tên Công ty thành “**Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hường Việt**”, tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng và bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán. Mục tiêu hàng đầu của Công ty là tạo các cơ hội đầu tư và mang lại nguồn lợi cho khách hàng cũng như các cổ đông bằng sự tư vấn chuyên nghiệp, các giải pháp mang tính đột phá, quá trình thực hiện xuất sắc và cung cấp kênh kết nối toàn diện với thị trường chứng khoán Việt Nam.

#### *Thông tin về công ty:*

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hường Việt (MSGGS)
- Tên tiếng Anh: Morgan Stanley Gateway Securities JSC
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng
- Trụ sở chính: Số 8 Phố Thiên Quang, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: +84 4 3942 9775
- Fax: +84 4 3942 9776
- Email: [service@msggs.vn](mailto:service@msggs.vn)
- Website: [www.msggs.com.vn](http://www.msggs.com.vn)
- Giấy phép HĐKD chứng khoán:
  - Số 52/UBCK-GPHĐKD Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006
  - Số 120/ UBCK- GPĐCCTCK Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 120/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/02/2008
  - Số 337/ UBCK-GPĐC và số 337/UBCK-GPĐC ngày 29/6/2010 với 3 nội dung chính: (i) Thay đổi tên Công ty; (ii) Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng; (iii) Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh (Bảo lãnh phát hành chứng khoán)
- Mã số thuế: 0102132189
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Môi giới chứng khoán;
  - Tự doanh chứng khoán;
  - Bảo lãnh phát hành;
  - Tư vấn đầu tư, tài chính.

## 2. Quá trình phát triển của công ty:

### Các mốc thời gian quan trọng trong lịch sử phát triển của MSGS:

- 29/12/2006 MSGS được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 52/UBCK-GPHĐKD với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng và 4 nghiệp vụ chính: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
- 14/2/2007 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ra Quyết định số 46/QĐ-TTGDHN công nhận tư cách thành viên giao dịch.
- 14/2/2007 Được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp giấy chứng nhận thành viên Lưu ký số 53/GCNTVLK với mã thành viên lưu ký: 050.
- 28/3/2007 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM) ra quyết định số 50/QĐ-TTGDHCM công nhận tư cách thành viên giao dịch.
- 05/02/2008 Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 120/UBCK-GPĐCCTCK điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006: Thay đổi tên Công ty; Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng; Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh.
- 19/11/2008 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ra Quyết định số 452/QĐ-TTGDHN chấp thuận tham gia hệ thống giao dịch từ xa thị trường niêm yết.
- 12/03/2008 Được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 135/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên tham gia đấu thầu trái phiếu chính phủ tại HNX.
- 13/01/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM chấp thuận tham gia hệ thống giao dịch trực tuyến.
- 19/06/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 297/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên hệ thống đăng ký giao dịch của Sở GDCK Hà Nội (Giao dịch UPCOM).
- 13/08/2009 Được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chấp thuận tham gia mạng kết nối Cổng giao tiếp điện tử.
- 11/09/2009 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Công văn số 1377/QĐ-TTGDHN công nhận Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt là thành viên giao dịch Trái phiếu chính phủ chuyên biệt.
- 14/09/2010 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 650/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley

Hướng Việt tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- 24/11/2010 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 911/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt được tham gia giao dịch trực tuyến thị trường đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 11/06/2012 Được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra công văn số 427/TB-SGDHN chấp thuận cho Công ty CP Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt được trở thành thành viên của Hệ thống Quản lý Thông tin Công ty (CIMS).

### 3. Định hướng phát triển

Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, cũng như theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, ban lãnh đạo MSGS luôn tập trung vào việc nâng cao và phát triển những yếu tố nội tại bằng cách tập trung đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên và phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ cho các khách hàng.

Công ty xác định sứ mệnh của mình trước mắt như sau:

- Tăng cường lợi ích bền vững cho các khách hàng các các cổ đông;
- Trở thành nơi làm việc được lựa chọn hàng đầu, ngôi nhà thứ hai của các tài năng;
- Áp dụng thực tiễn quản lý tốt nhất và cách thức quản trị tiêu chuẩn quốc tế;
- Là cầu nối giữa các nhà đầu tư nước ngoài và thị trường tài chính Việt Nam; giữa các doanh nghiệp Việt Nam và thị trường vốn quốc tế.

Để hiện thực hóa sứ mệnh, Công ty sẽ tập trung phát triển các lợi thế cạnh tranh cốt lõi sau:

- Tập trung sử dụng hiệu quả các mối quan hệ và sự hỗ trợ từ các cổ đông chiến lược;
- Tập trung phát triển các dịch vụ tài chính; đặc biệt là các mảng dịch vụ tư vấn (Advisory), mua bán sáp nhập (M&As), đối tác chiến lược, phát hành và niêm yết cổ phiếu và trái phiếu ra các thị trường tài chính trong nước và quốc tế;
- Áp dụng các quy trình và chính sách hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế;
- Tập trung có chọn lọc vào mảng thị trường khách hàng tổ chức.

Trong dài hạn, MSGS định hướng một số chiến lược phát triển chính như sau:

- Định hướng phát triển MSGS thành định chế tài chính đa năng;
- Từng bước tăng cường năng lực tài chính để tạo sức mạnh cạnh tranh;
- Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;
- Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tăng cường công tác quản lý rủi ro;
- Xây dựng hình ảnh, thương hiệu MSGS;
- Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra;
- Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Những nét nổi bật của kết quả kinh doanh 2012

(Đơn vị: VND)

Chỉ tiêu	2012	2011
Tổng giá trị tài sản	358.212.823.407	342.799.475.334
Doanh thu thuần	43.204.770.729	45.768.038.409
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.912.400.168	22.183.456.896
Lợi nhuận khác	416.535	9.999.968
Lợi nhuận trước thuế	22.543.061.268	22.193.456.864
Lợi nhuận sau thuế	16.461.463.049	16.524.194.970

Trong năm 2012, mặc dù tình hình nền kinh tế và thị trường tài chính có nhiều diễn biến phức tạp, nhưng nhờ những nỗ lực hết mình của Ban Giám đốc cũng như toàn thể cán bộ, nhân viên, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn ổn định và đạt hiệu quả tốt.

### 2. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Công ty đã xây dựng được một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động với 25 cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm.

Công ty đã đầu tư và đưa vào vận hành thành công các dịch vụ giao dịch từ xa, giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; kết nối thông tin trực tiếp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Trong năm 2012, Công ty đã nâng cấp hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu của các Sở. Cụ thể, Công ty đã kiểm tra hệ thống giao dịch để đảm bảo sự phù hợp của hệ thống với việc triển khai kéo dài thời gian giao dịch chứng khoán niêm yết và trái phiếu Chính phủ. Đồng thời, Công ty cũng sửa đổi quy trình giao dịch để phù hợp với quyết định rút ngắn thời gian thanh toán xuống 9h sáng ngày T+3.

Bên cạnh đó, Công ty cũng được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận trở thành thành viên của Hệ thống Quản lý Thông tin Công ty (CIMS) và có thể sử dụng CIMS thành viên để chuyển thông tin công bố và báo cáo của Công ty đến Sở GDCKHN.

### 3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Trong năm 2013, Công ty sẽ tập trung kiện toàn bộ máy nhân sự và xây dựng cơ sở hạ tầng, các chính sách tuân thủ, quy trình nghiệp vụ để tạo nền móng cho sự phát triển trong tương lai.

Công ty cũng sẽ tập trung chủ yếu vào 2 lĩnh vực: Tư vấn Đầu tư (Advisory) và Môi giới, tư vấn giao dịch chứng khoán cho đối tượng khách hàng tổ chức nước ngoài với mục tiêu phát

---

triển nền tảng khách hàng, đem lại lợi ích lâu dài cho các khách hàng và các cổ đông. Để đạt được những mục tiêu đề ra, Hội Đồng Quản trị sẽ nỗ lực phát triển sự hợp tác bền chặt giữa Công ty và các phòng ban của Morgan Stanley, đặc biệt là bộ phận Bán hàng và Giao dịch (Sales & Trading), Ngân hàng Đầu tư (Investment Banking) và Quản lý Tài sản Cá nhân (Private Wealth Management).

**III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b> - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	0,77 99,23	1,28 98,72
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b> - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	1,21 98,79	1,57 98,43
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b> - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,86 82,18	72,11 72,17
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b> - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	4,60 38,10 4,65	4,82 36,10 4,90

**1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2012, Công ty đạt lợi nhuận sau thuế là 16.461.463.049 đồng, hoàn thành kế hoạch kinh doanh về mặt tài chính. Đồng thời Công ty đã xây dựng được bộ máy quản lý điều hành và các bộ phận nghiệp vụ với những thành viên có năng lực chuyên môn cao, tâm huyết với Công ty.

**2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

Ổn định và phát triển đội ngũ nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình nghiệp vụ trong hoạt động giao dịch môi giới, thanh toán giao dịch hàng ngày, củng cố và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin là những công việc quan trọng và cấp bách mà Ban lãnh đạo cũng như cán bộ, nhân viên trong công ty đã hoàn thành được trong năm 2012.

Hợp tác với Tập đoàn Morgan Stanley, phòng Ngân hàng Đầu tư (IB) của Công ty đã tham gia vào một số thương vụ Tư vấn sát nhập tại Việt Nam.

**3. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- ✓ Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin
- ✓ Đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên
- ✓ Phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ cho nhà đầu tư.

- ✓ Thiết lập và duy trì các bộ phận mới theo yêu cầu của UBCKNN, cụ thể là bộ phận Quản trị Rủi ro và bộ phận Kiểm toán nội bộ;
- ✓ Xây dựng hình ảnh, thương hiệu MSGS



## 4. Các báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
<b>A. (100=110+120+130+150)</b>	<b>100</b>		<b>355,446,668,638</b>	<b>338,411,032,539</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>2,271,469,737</b>	<b>334,003,128,111</b>
1. Tiền	111		2,271,469,737	2,767,294,778
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	331,235,833,333
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>347,395,790,800</b>	<b>246,436,800</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		349,574,175,439	3,033,682,139
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2,178,384,639)	(2,787,245,339)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4,773,282,833</b>	<b>3,083,880,333</b>
1. Các khoản phải thu khác	138	6	4,773,282,833	3,083,880,333
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,006,125,268</b>	<b>1,077,587,295</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,006,125,268	1,077,587,295
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)</b>	<b>200</b>		<b>2,766,154,769</b>	<b>4,388,442,795</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2,116,795,250</b>	<b>3,778,569,220</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1,470,191,819	2,623,557,707
- Nguyên giá	222		6,881,923,062	6,881,923,062
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,411,731,243)	(4,258,365,355)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	646,603,431	1,155,011,513
- Nguyên giá	228		2,952,848,123	2,932,168,123
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,306,244,692)	(1,777,156,610)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>649,359,519</b>	<b>609,873,575</b>
1. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	9	450,224,239	410,738,295
2. Tài sản dài hạn khác	268		199,135,280	199,135,280
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>358,212,823,407</b>	<b>342,799,475,334</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>4,324,962,756</b>	<b>5,373,077,732</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4,324,962,756</b>	<b>4,689,253,984</b>
1. Người mua trả tiền trước	313		19,441,906	18,971,216
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	1,679,418,560	1,895,096,188
3. Chi phí phải trả	316	11	976,221,695	803,688,960
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	1,592,570,487	1,865,152,823
5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		57,310,108	106,344,797
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>683,823,748</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	683,823,748
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>353,887,860,651</b>	<b>337,426,397,602</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>353,887,860,651</b>	<b>337,426,397,602</b>
1. Vốn điều lệ	411		300,000,000,000	300,000,000,000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5,401,125,498	3,754,979,194
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		48,486,735,153	33,671,418,408
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>358,212,823,407</b>	<b>342,799,475,334</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2012	31/12/2011
<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>11,214,740,000</b>	<b>16,919,480,000</b>
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	11,023,040,000	16,893,360,000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	430,910,000	412,160,000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	9,104,730,000	16,046,900,000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1,053,100,000	-
1.1.4. Chứng khoán giao dịch của khách hàng ủy quyền	011	434,300,000	434,300,000
1.2. Chứng khoán chờ giao dịch	041	-	26,120,000
1.2.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		-	26,120,000
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	073	191,700,000	-
1.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	075	191,700,000	-

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-CTCK**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>43,204,770,729</b>	<b>45,768,038,409</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		58,950,346	82,889,260
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		8,709,843	6,575,680
Doanh thu khác	01.9		43,137,110,540	45,678,573,469
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>43,204,770,729</b>	<b>45,768,038,409</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	14	234,190,629	1,043,644,573
<b>5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>42,970,580,100</b>	<b>44,724,393,836</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21,058,179,932	22,540,936,940
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>21,912,400,168</b>	<b>22,183,456,896</b>
8. Thu nhập khác	31		416,535	9,999,968
<b>9. Lợi nhuận khác (40=31)</b>	<b>40</b>		<b>416,535</b>	<b>9,999,968</b>
<b>10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>21,912,816,703</b>	<b>22,193,456,864</b>
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	15	5,451,353,654	5,669,261,894
<b>12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>16,461,463,049</b>	<b>16,524,194,970</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-CTCK**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>21,912,816,703</b>	<b>22,193,456,864</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,682,453,970	1,827,521,367
Các khoản dự phòng (Lãi) từ hoạt động đầu tư	03 05	 (608,860,700) (31,127,515,610)	 145,897,900 -
<b>3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(8,141,105,637)</b>	<b>24,166,876,131</b>
Biến động các khoản phải thu	09	3,074,520,333	1,437,963,276
Biến động chứng khoán và đầu tư ngắn hạn		(346,540,493,300)	(25,599,300)
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(898,471,157)	(2,201,256,346)
Biến động chi phí trả trước	12	71,462,027	(76,328,545)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5,600,997,473)	(5,663,306,980)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(39,485,944)	(29,636,526)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(358,074,571,151)</b>	<b>17,608,711,710</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20,680,000)	(1,046,654,535)
2. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26,363,592,777	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>26,342,912,777</b>	<b>(1,046,654,535)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(331,731,658,374)</b>	<b>16,562,057,175</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>334,003,128,111</b>	<b>317,441,070,936</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>2,271,469,737</b>	<b>334,003,128,111</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**MẪU SỐ B 05-CTCK**  
*Đơn vị: VND*

CHỈ TIÊU	Số dư tại ngày		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư tại ngày	
	01/01/2011	01/01/2012	2011		2012		31/12/2011	31/12/2012
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
1. Vốn điều lệ	300,000,000,000	300,000,000,000	-	-	-	-	300,000,000,000	300,000,000,000
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2,102,559,698	3,754,979,194	1,652,419,496	-	1,646,146,304	-	3,754,979,194	5,401,125,498
3. Lợi nhuận chưa phân phối	18,799,642,934	33,671,418,408	16,524,194,970	(1,652,419,496)	16,461,463,049	(1,646,146,304)	33,671,418,408	48,486,735,153
	<b>320,902,202,632</b>	<b>337,426,397,602</b>	<b>18,176,614,466</b>	<b>(1,652,419,496)</b>	<b>18,107,609,353</b>	<b>(1,646,146,304)</b>	<b>337,426,397,602</b>	<b>353,887,860,651</b>

#### IV. BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Văn phòng Hà Nội: Tầng 12A, toà nhà Vinaconex- 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà nội

Tel: +84 4 6288 3568

Fax: +84 4 62885678

##### *Ý kiến của kiểm toán độc lập:*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Cuộc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành cho mục đích trình bày ý kiến về báo cáo tài chính cơ bản một cách tổng thể. Các thông tin bổ sung từ trang 20 đến trang 24 chỉ nhằm cung cấp thêm thông tin mà không phải là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính cơ bản. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập những thông tin này. Những thông tin bổ sung này không thuộc đối tượng của các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính cơ bản này, và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các thông tin bổ sung này.

##### *Thuyết minh báo cáo tài chính:*

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015277 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/UBCKNN-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 120/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 02 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 337/UBCK-GPĐC ngày 29 tháng 6 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 25 người (31/12/2011: 29)

##### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/QĐ-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Tuy nhiên, chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán chưa được loại trừ ra khỏi bảng cân đối kế toán.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12..

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/QĐ-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Tuy nhiên, chỉ tiêu Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán chưa được loại trừ ra khỏi bảng cân đối kế toán.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## Công cụ tài chính

### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khác và tài sản dài hạn khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm khách hàng ứng trước, chi phí phải trả, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác, phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Đây là các khoản đặt cọc của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

### Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Đây là số tiền của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư tại tài khoản của công ty chứng khoán mở ở ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7/12/2009.

Dự phòng giảm giá của các chứng khoán tự doanh được ghi nhận vào chi phí của Công ty trong các giao dịch chứng khoán.

Giá của các chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao



Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2012</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	6
Tài sản khác	5

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

#### *Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn*

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua bán chứng khoán tự doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ.

#### *Doanh thu khác*

Doanh thu khác là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

### **Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều

chính vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Theo đó, Công ty thực hiện hoàn nhập số dư quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm chưa chi hết vào thu nhập khác năm 2012.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	30,000,000	30,000,000
Tiền gửi ngân hàng	898,776,902	1,122,014,740
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1,623,483	3,983,264
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1,341,069,352	1,611,296,774
Các khoản tương đương tiền	-	331,235,833,333
	<u><b>2,271,469,737</b></u>	<u><b>334,003,128,111</b></u>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Chứng khoán tự doanh</b>		
Cổ phiếu chưa niêm yết	2,744,949,400	2,730,000,000
Cổ phiếu niêm yết	309,226,039	303,682,139
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm	346,520,000,000	-
	<u><b>349,574,175,439</b></u>	<u><b>3,033,682,139</b></u>
<b>Trừ: Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh</b>		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(2,009,408,600)	(2,610,000,000)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(168,976,039)	(177,245,339)
	<u><b>(2,178,384,639)</b></u>	<u><b>(2,787,245,339)</b></u>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<u><b>347,395,790,800</b></u>	<u><b>246,436,800</b></u>

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán VND	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường VND
			Tăng	(Giảm)	
<b>Chứng khoán tự doanh</b>					
- Cổ phiếu chưa niêm yết	30,423	2,744,949,400	-	(2,009,408,600)	735,540,800
- Cổ phiếu niêm yết	12,668	309,226,039	1,663,100	(168,976,039)	141,913,100
	<u><b>43,091</b></u>	<u><b>3,054,175,439</b></u>	<u><b>1,663,100</b></u>	<u><b>(2,178,384,639)</b></u>	<u><b>877,453,900</b></u>

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán VND	So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường VND
			Tăng	(Giảm)	
<b>Chứng khoán tự doanh</b>					
- Cổ phiếu chưa niêm yết	30,000	2,730,000,000	-	(2,610,000,000)	120,000,000
- Cổ phiếu niêm yết	11,216	303,682,139	167,100	(177,245,339)	126,603,900
	<b>41,216</b>	<b>3,033,682,139</b>	<b>167,100</b>	<b>(2,787,245,339)</b>	<b>246,603,900</b>

Chi tiết danh mục đầu tư ngắn hạn giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Số lượng	Giá trị ghi sổ (VND)	(Giảm) so với giá thị	Tổng giá trị thị trường (VND)
			trường (VND)	
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
PMT	30,000	2,730,000,000	(1,995,000,000)	735,000,000
Cổ phiếu khác (*)	423	14,949,400	(14,408,600)	540,800
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
ACB	1,003	23,380,200	(7,031,300)	16,348,900
HPC	2,353	63,324,700	(54,383,300)	8,941,400
Cổ phiếu khác (*)	8,385	206,794,939	(107,561,439)	99,233,500
	<b>42,164</b>	<b>3,038,449,239</b>	<b>(2,178,384,639)</b>	<b>860,064,600</b>

## 6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4,763,922,833	3,074,500,333
Phải thu khác	9,360,000	9,380,000
	<b>4,773,282,833</b>	<b>3,083,880,333</b>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	65,754,000	5,951,320,562	853,188,500	11,660,000	6,881,923,062
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	65,754,000	5,951,320,562	853,188,500	11,660,000	6,881,923,062
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	48,402,250	3,560,549,397	639,891,375	9,522,333	4,258,365,355
Khấu hao trong năm	10,959,000	998,071,138	142,198,083	2,137,667	1,153,365,888
Tại ngày 31/12/2012	59,361,250	4,558,620,535	782,089,458	11,660,000	5,411,731,243
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<b>6,392,750</b>	<b>1,392,700,027</b>	<b>71,099,042</b>	<b>-</b>	<b>1,470,191,819</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>17,351,750</b>	<b>2,390,771,165</b>	<b>213,297,125</b>	<b>2,137,667</b>	<b>2,623,557,707</b>

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phân mềm ứng dụng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2012	2,932,168,123	2,932,168,123
Tăng trong năm	20,680,000	20,680,000
Tại ngày 31/12/2012	<b>2,952,848,123</b>	<b>2,952,848,123</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2012	1,777,156,610	1,777,156,610
Khấu hao trong năm	529,088,082	529,088,082
Tại ngày 31/12/2012	<b>2,306,244,692</b>	<b>2,306,244,692</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 31/12/2012	<b>646,603,431</b>	<b>646,603,431</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>1,155,011,513</b>	<b>1,155,011,513</b>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với giá trị là 586.472.940 VND (31 tháng 12 năm 2011: 0)

**9. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền nộp ban đầu	98,961,437	98,961,437
Tiền nộp bổ sung	314,682,950	311,776,858
Tiền lãi phân bổ trong năm	36,579,852	-
	<b>450,224,239</b>	<b>410,738,295</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập cá nhân	459,217,973	525,251,782
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,220,200,587	1,369,844,406
	<b>1,679,418,560</b>	<b>1,895,096,188</b>

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	630,244,565	-
Phí dịch vụ tư vấn và kiểm toán	282,700,000	216,360,950
Phí thuê kênh	-	426,803,850
Khác	63,277,130	160,524,160
	<b>976,221,695</b>	<b>803,688,960</b>

**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1,342,689,487	1,615,271,823
Phải trả, phải nộp khác	249,881,000	249,881,000
	<b>1,592,570,487</b>	<b>1,865,152,823</b>

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Quỹ khác thuộc</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>vốn chủ sở hữu</b>	<b>sau thuế</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>chưa phân phối</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>2,102,559,698</b>	<b>18,799,642,934</b>	<b>320,902,202,632</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	16,524,194,970	16,524,194,970
Trích lập các quỹ	-	1,652,419,496	(1,652,419,496)	-
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>3,754,979,194</b>	<b>33,671,418,408</b>	<b>337,426,397,602</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	17,091,707,614	17,091,707,614
Trích lập các quỹ	-	1,709,170,762	(1,709,170,762)	-
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>5,464,149,956</b>	<b>49,053,955,260</b>	<b>354,518,105,216</b>

Theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2000 của Bộ Tài chính, các công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự trữ bắt buộc theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế cho mỗi quỹ cho đến khi mỗi quỹ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy phép điều chỉnh số 120/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 02 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy phép kinh doanh		Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%	VND	%
Morgan Stanley (Singapore) Holdings Pte. Ltd.	147,000,000,000	49	147,000,000,000	49
Bà Tô Minh Hương	60,000,000,000	20	60,000,000,000	20
Công ty TNHH Thanh Ba	93,000,000,000	31	93,000,000,000	31
	<b>300,000,000,000</b>	<b>100</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>100</b>

**14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	802,595,047	840,912,255
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	-	4,533,500
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	9,074,830	14,095,880
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(608,860,700)	145,897,900
Các chi phí khác	31,381,452	38,205,038
	<b>234,190,629</b>	<b>1,043,644,573</b>

**15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2012 VND	2011 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>22,543,061,268</b>	<b>22,193,456,864</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ:		
Thu nhập không chịu thuế	8,709,843	6,575,680
Chi phí trích trước không được khấu trừ trong năm trước	970,999,602	246,675,000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	242,062,794	736,841,393
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>21,805,414,617</b>	<b>22,677,047,577</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5,451,353,654</b>	<b>5,669,261,894</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5,451,353,654</b>	<b>5,669,261,894</b>

**16. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Ngày 13 tháng 12 năm 2006, Công ty đã ký hợp đồng thuê tòa nhà số 8 Thiên Quang với Công ty Chesterton Petty Việt Nam (nay đổi tên là Công ty TNHH Savills Việt Nam) để làm trụ sở

làm việc với thời hạn thuê là 62 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền thuê nhà là 4.000 USD/tháng trong 24 tháng đầu và 4.400 USD/tháng kể từ tháng thứ 25 trở đi và được thanh toán hàng quý trong vòng 10 ngày đầu tiên của mỗi quý.

Ngày 31 tháng 08 năm 2011, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng thuê nhà với Công ty TNHH Savills Việt Nam. Theo đó, thời hạn thuê được gia hạn đến ngày 14 tháng 02 năm 2013. Tiền thuê nhà là 116.886.000 VND/tháng kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2012.

Ngày 15 tháng 02 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng thuê tòa nhà số 8 Thiên Quang với Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Kinh doanh dịch vụ nhà Hà Nội để làm trụ sở làm việc với thời hạn thuê 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền thuê nhà là 129.363.000 VND/tháng trong 24 tháng đầu và sẽ tăng lên 20% kể từ tháng thứ 25 trở đi.

## 17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### *Quản lý rủi ro vốn*

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### *Các chính sách kế toán chủ yếu*

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

### *Các loại công cụ tài chính*

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,271,469,737	334,003,128,111
Đầu tư ngắn hạn	347,395,790,800	246,436,800
Phải thu khác	4,773,282,833	3,083,880,333
Tài sản dài hạn khác	199,135,280	199,135,280
<b>Tổng cộng</b>	<b>354,639,678,650</b>	<b>337,532,580,524</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Khách hàng ứng trước	19,441,906	18,971,216
Chi phí phải trả	345,977,130	803,688,960
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1,592,570,487	1,865,152,823
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	57,310,108	106,344,797
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,015,299,631</b>	<b>2,794,157,796</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về



việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### ***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính***

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

### ***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### ***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Công ty không có tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

#### ***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào do không có các khoản vay phát sinh trong năm.

#### ***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu của Công ty chủ yếu hình thành từ lãi dự thu của các khoản tiền gửi ngân hàng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,271,469,737	-	2,271,469,737
Đầu tư tài chính ngắn hạn	347,395,790,800	-	347,395,790,800
Phải thu khác	4,773,282,833	-	4,773,282,833
Tài sản dài hạn khác	-	199,135,280	199,135,280
<b>Tổng cộng</b>	<b>354,440,543,370</b>	<b>199,135,280</b>	<b>354,639,678,650</b>
<b>31/12/2012</b>			
Khách hàng ứng trước	19,441,906	-	19,441,906
Chi phí phải trả	345,977,130	630,244,565	976,221,695
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1,592,570,487	-	1,592,570,487
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	57,310,108	-	57,310,108
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,015,299,631</b>	<b>630,244,565</b>	<b>2,645,544,196</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>352,425,243,739</b>	<b>(431,109,285)</b>	<b>351,994,134,454</b>

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2011</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	334,003,128,111	-	334,003,128,111
Đầu tư tài chính ngắn hạn	246,436,800	-	246,436,800
Phải thu khác	3,083,880,333	-	3,083,880,333
Tài sản dài hạn khác	-	199,135,280	199,135,280
<b>Tổng cộng</b>	<b>337,333,445,244</b>	<b>199,135,280</b>	<b>337,532,580,524</b>
<b>31/12/2011</b>			
Khách hàng ứng trước	18,971,216	-	18,971,216
Chi phí phải trả	803,688,960	-	803,688,960
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1,865,152,823	-	1,865,152,823
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	106,344,797	-	106,344,797
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,794,157,796</b>	<b>-</b>	<b>2,794,157,796</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>334,539,287,448</b>	<b>199,135,280</b>	<b>334,738,422,728</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## 18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Thu nhập của Ban Giám đốc	5,787,890,310	5,837,816,885

## 19. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

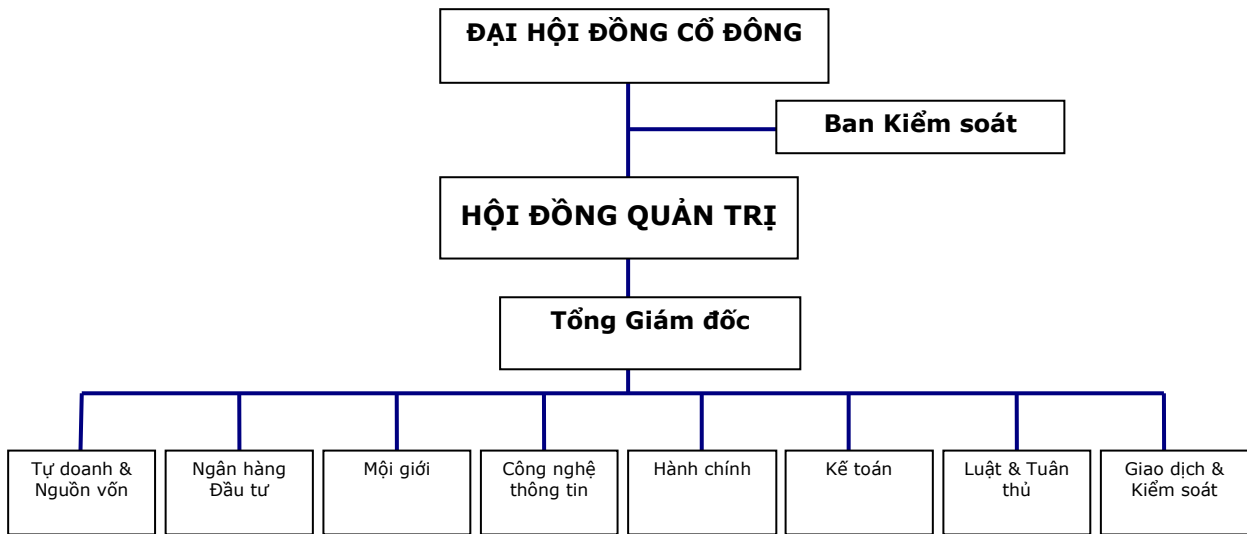
CHỈ TIÊU	<b>2012</b>	
	<b>Khối lượng giao dịch</b>	<b>Giá trị giao dịch (VND)</b>
<b>1. Chứng khoán tự doanh</b>		
Cổ phiếu	1,690	20,493,300
<b>2. Chứng khoán của nhà đầu tư</b>		
Cổ phiếu	2,052,811	18,625,901,800
	<b>2,054,501</b>	<b>18,646,395,100</b>

## 20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**V. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

**1. Cơ cấu Công ty:**



**2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Điều Hành:**

(Tại thời điểm lập báo cáo)

<p><b>Ronald Whatt Soon Ong</b></p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i></p> <p><i>Đại diện Morgan Stanley</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ông Ronald Whatt Soon Ong là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt.</li> <li>▪ Ông Ronald Ong hiện đang là Giám đốc điều hành, Chủ tịch và Tổng Giám đốc Morgan Stanley khu vực Đông Nam Á.</li> <li>▪ Ông Ronald Ong gia nhập tập đoàn Morgan Stanley từ năm 1995. Từ năm 1995 đến nay, Ông đã giữ nhiều vị trí quan trọng của tập đoàn Morgan Stanley như Giám đốc điều hành, trưởng bộ phận Ngân hàng Đầu tư của Morgan Stanley (Singapore) và Tổng Giám đốc của Morgan Stanley khu vực Đông Nam Á.</li> <li>▪ Ông Ronald Ong có bằng cử nhân quản trị kinh doanh của trường đại học Singapore.</li> </ul>
<p><b>Bà Tô Minh Hương</b></p> <p><i>Tổng Giám đốc</i></p> <p><i>Cổ đông sáng lập</i></p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đồng sáng lập viên, kiêm Tổng Giám đốc và Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGS).</li> <li>▪ Trước khi đến với MSGS, Bà từng là Đồng sự (Partner) và Giám đốc Đầu tư (CIO) tại Vietnam Partners LLC, phụ trách về các vấn đề về đầu tư và quản lý danh mục đầu tư từ năm 2005 đến 2007. Bà cũng là thành viên chủ chốt tham gia thành lập Công ty Quản lý Quỹ BIDV - Vietnam Partners (BVIM) và Quỹ Đầu</li> </ul>

	<p>tur Việt Nam I.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Từ năm 2003 đến 2004, Bà là Trưởng nhóm Xây dựng Mô hình Quản lý Rủi ro Tín dụng Doanh nghiệp (Dự án Basel II)- Bộ phận Quản lý Rủi ro – Ngân hàng Tây Úc, Ngân hàng Halifax Bank of Scotland Australia.</li> <li>▪ Bà cũng là Giảng viên danh dự về Tài chính tại Trường Đại học Tây Úc từ tháng 06 năm 2002 đến tháng 12 năm 2003.</li> <li>▪ Bà từng làm việc tại Bộ phận Ngân hàng Doanh nghiệp (Corporate Banking) tại Citibank N.A. – Chi nhánh Hà Nội trong thời gian từ năm 1997 – 1998 – đặc biệt liên quan đến khách hàng tổ chức, tài chính thương mại và tài chính dự án.</li> <li>▪ Bà có viết nhiều bài báo chuyên ngành được đăng tại các tạp chí quốc tế nổi tiếng như <i>Journal of Credit Risk</i>, <i>Journal of International Financial Markets, Institutions, and Money</i>, và các báo cáo tại nhiều hội thảo chuyên ngành khác.</li> </ul>
<p><b>Nguyễn Thị Nhung</b></p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p> <p><i>Đại diện Công ty Thanh Ba</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Bà Nguyễn Thị Nhung là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGS).</li> <li>▪ Bà Nhung từ năm 1994-1996 giữ nhiệm vụ Trợ lý Giám đốc tại Elysee Investissement và từ năm 1996 đến nay là Đồng sáng lập viên Công ty OPENASIA.</li> <li>▪ Bà Nhung có bằng cử nhân (Chuyên ngành Tiếng Pháp) của trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội; là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Trung tâm Quản lý &amp; Đào tạo Pháp Việt CFVG và là Thạc sĩ Quản lý Dự án Quốc tế của Trường Đại học Thương mại Paris ESCP.</li> </ul>
<p><b>James Hedley Bidlake</b></p> <p><i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ông James Hedley Bidlake là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (MSGS).</li> <li>▪ Ông James Bidlake gia nhập tập đoàn Morgan Stanley từ năm 2004 với tư cách là luật sư của bộ phận Ngân hàng Đầu tư.</li> <li>▪ Ông James Bidlake đã từng làm việc cho Toà án Tối cao của Anh Quốc và xứ Wales cũng như Toà án Dân sự Tối cao của Hồng Kông và có bằng cao học chuyên ngành luật của Đại học Luật, Guilford, Hoa Kỳ</li> </ul>

## Thay đổi Chủ tịch, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Kế toán Trưởng

Trong năm 2012, Công ty không có sự thay đổi Chủ tịch, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hay Kế toán Trưởng.

### 3. Chính sách đối với người lao động

#### Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- **Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được các nhân sự có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các nhân sự đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập, trình độ về ngoại ngữ và tin học.
- **Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.
- **Đào tạo:** Công ty chú trọng vào việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho CBCNV thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

#### Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- **Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. CBCNV trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo đóng góp và hiệu quả công việc.
- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên CBCNV, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

#### Các chính sách khác

- **Chính sách bảo hiểm:** Toàn bộ nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chính sách về Bảo hiểm Xã hội và Bảo hiểm Y tế theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra Công ty còn tổ chức chương trình khám sức khỏe định kỳ và tham gia chương trình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và tai nạn cá nhân cho toàn thể CBCNV và người thân (bao gồm vợ, chồng, con..) được khám, chữa bệnh miễn phí trong các hệ thống bệnh viện trong nước và quốc tế.

- **Chính sách khác:** Công ty đã hỗ trợ cán bộ nhân viên thi chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, tổ chức thăm hỏi, hiếu hỉ, tổ chức tặng quà nhân dịp sinh nhật, các ngày lễ trong năm động viên tinh thần cho CBCNV.

## VI. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

(Tại thời điểm lập báo cáo)

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

#### ▪ Thành phần Hội đồng Quản trị:

- Ông Ronald Ong: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Bà Tô Minh Hương: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Bà Nguyễn Thị Nhung: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Ông James Hedley Bidlake: Thành viên Hội đồng Quản trị

#### ▪ Ban Kiểm soát

- Ông Anthony Mullineaux: Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Phạm Thị Thủy Dương: Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Bùi Mỹ Hạnh: Thành viên Ban Kiểm soát

#### ▪ Hoạt động của Hội đồng Quản trị

- ✓ Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh năm 2012 của Công ty;
- ✓ Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại Hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;
- ✓ Trình báo cáo Quyết toán tài chính hàng năm lên Đại Hội đồng Cổ đông;
- ✓ Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức.

#### ▪ Thù lao, các khoản lợi ích, chi phí cho Thành viên HĐQT và Thành viên Ban Kiểm soát

Trong năm 2012, Các Thành viên HĐQT và Thành viên Ban Kiểm soát không nhận thù lao.

#### ▪ Tỷ lệ sở hữu Cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Thành viên HĐQT

- Morgan Stanley (Singapore) Holdings Pte. Ltd: 49%
- Công ty TNHH Thanh Ba: 31%
- Bà Tô Minh Hương: 20%

**2. Các dữ liệu về cổ đông tại thời điểm lập báo cáo**

STT	Cổ đông	Số Cổ phần sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
<b>Tổ chức</b>				
1	Morgan Stanley (Singapore) Holdings Pte. Ltd.	14.700.000	147.000.000.000	49%
2	Công ty TNHH Thanh Ba	9.300.000	93.000.000.000	31%
<b>Cá nhân</b>				
1	Bà Tô Minh Hương	6.000.000	60.000.000.000	20%
<b>Tổng cộng</b>		<b>30.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**TỔNG GIÁM ĐỐC****TÔ MINH HƯƠNG**